

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 52 - CV/PC3HP.Co-NV

Đăk Nông, ngày 17 tháng 03 năm 2020

Công bố thông tin bất thường

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch CK TP Hồ Chí Minh

Công ty: Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Trụ sở chính: Thôn Nhà Đền, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Điện thoại: 0261 3684 888

Fax: 0261 3684 666

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Nguyễn Sơn

Địa chỉ: Xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đăk Nông

Điện thoại di động: 0935 334 555; Điện thoại cố định: 0261 3684 888

Fax: 0261 3684 666

Loại thông tin công bố:  24h,  72h,  Yêu cầu,  Bất thường,  Định kỳ

**Nội dung thông tin công bố:**

**1- Nghị quyết số 10 - NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ, ngày 17/03/2020 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.**

**2- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 lập ngày 17 tháng 03 năm 2020.**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**GIÁM ĐỐC**  
  
**Nguyễn Sơn**

**NGHỊ QUYẾT  
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - NĂM 2020**

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13, ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3;

Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 17/03/2020;

Ngày 17/03/2020, tại Hội trường Victoria 3, Khách sạn Sài Gòn - Ban Mê, số 01-03 Phan Chu Trinh, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 được tổ chức với sự tham gia của **27** cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu: **5.378.250** cổ phần, chiếm tỷ lệ: **56,61%** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và Tờ trình các nội dung, Đại hội đồng cổ đông thường niên - năm 2020 Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3,

**QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1: Thông qua báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019**

***Phân biểu quyết:***

- Tán thành : 5.378.250 Cổ phần chiếm 100,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết

**Điều 2: Thông qua báo cáo hoạt động của Ban Giám đốc**

***Phân biểu quyết:***

- Tán thành : 5.378.250 Cổ phần chiếm 100,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết



**Điều 3: Thông qua báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị**

**Phân biểu quyết:**

- Tán thành : 5.378.250 Cổ phần chiếm 100,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết

**Điều 4: Thông qua báo cáo của Ban kiểm soát**

**Phân biểu quyết:**

- Tán thành : 5.378.250 Cổ phần chiếm 100,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết

**Điều 5: Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận trong năm 2019 như sau:**

**1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:**

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ so với KH
1	Tổng sản lượng	kWh	74.000.000	66.574.038	89,96%
2	Tổng doanh thu	đồng	93.066.148.000	93.464.002.450	100,43%
	Trong đó:				
	- Doanh thu tiền điện	đồng	80.735.743.000	80.228.259.960	99,37%
	- Doanh thu tài chính	đồng	3.300.000.000	3.503.017.114	106,15%
	- Doanh thu từ Thuế Tài nguyên	đồng	6.366.405.000	6.111.681.008	96,00%
	- Doanh thu từ Phí DVMT rừng	đồng	2.664.000.000	2.760.857.368	103,64%
	- Doanh thu từ tiền cấp quyền khai thác nước mặt	đồng	0	860.187.000	-
3	Tổng chi phí	đồng	35.928.397.000	34.254.634.671	95,34%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	57.137.751.000	59.209.367.779	103,63%
5	Thuế TNDN	đồng	3.351.888.000	3.529.906.956	105,31%
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	53.785.863.000	55.679.460.823	103,52%

## 2. Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2019:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ so với KH
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	53.785.863.000	55.679.460.823	103,52%
2	Trích lập các quỹ	đồng	3.101.435.000	3.177.178.433	102,44%
	- Quỹ Phúc lợi	đồng	950.000.000	950.000.000	100,00%
	- Quỹ khen thưởng	đồng	2.151.435.000	2.227.178.433	103,52%
3	LN còn lại phân phối cho cổ đông	đồng	50.684.428.000	52.502.282.390	103,59%
4	Cổ tức năm 2019	%	53,35	55,27	103,59%
	Đã tạm ứng phần cổ tức của năm 2019:				
	- Đợt 1 năm 2019	%		6,02	
	- Đợt 2 năm 2019	%		20,00	
	- Đợt 3 năm 2019	%		20,00	
	<b>Tổng tỷ lệ cổ tức đã tạm ứng của năm 2019</b>	%		<b>46,02</b>	
	Tương ứng với số tiền	đồng		43.719.000.000	
6	Cổ tức năm 2019 còn lại	%		9,25	
	Tương ứng với số tiền	đồng		8.783.282.390	

Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông và triển khai việc chi trả phần cổ tức còn lại cho cổ đông với tỷ lệ là **9,20 %/CP**.

Đối với phân lợi nhuận của năm 2019 còn lại là: 43.282.390 đồng cộng dồn với phân lợi nhuận thừa năm 2018 là: 4.465.548 đồng (*Tổng cộng: 47.747.938 đồng*), đề nghị ĐHĐCĐ thống nhất cho trích toàn bộ bổ sung vào quỹ phúc lợi năm 2020 của công ty để phục vụ cho một số công tác an sinh xã hội đối với địa phương.

### **Phân biểu quyết:**

- Tán thành : 5.378.250 Cổ phần chiếm 100,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết



**Điều 6: Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:**

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	66.574.038	65.000.000	97,64%
2	Tổng doanh thu	đồng	93.464.002.450	86.672.322.000	92,73%
	Trong đó:				
	- Doanh thu tiền điện	đồng	80.228.259.960	73.912.705.000	92,13%
	- Doanh thu tài chính	đồng	3.503.017.115	3.500.000.000	99,91%
	- Doanh thu từ thuế TN nước	đồng	6.111.681.007	6.059.430.000	99,15%
	- Doanh thu phí DVMT rừng	đồng	2.760.857.368	2.340.000.000	84,76%
	- Phí cấp quyền khai thác nước mặt	đồng	860.187.000	860.187.000	100,00%
3	Tổng chi phí (*)	đồng	34.254.634.671	36.300.002.000	105,97%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	59.209.367.779	50.372.320.000	85,07%
5	Thuế TNDN	đồng	3.529.906.956	5.387.232.000	152,62%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	55.679.460.823	44.985.088.000	80,79%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/CP	5.861	4.735	80,79%
8	Trích lập các quỹ	đồng	3.177.178.433	2.749.404.000	86,54%
	- Quỹ Phúc lợi	đồng	950.000.000	950.000.000	100,00%
	- Quỹ khen thưởng (4%LNST) (**)	đồng	2.227.178.433	1.799.404.000	80,79%
9	Lợi nhuận còn lại	đồng	52.502.282.390	42.235.684.000	80,45%
10	Cổ tức	%	55,27	44,45	80,43%

(\*): Tổng chi phí chi tiết theo **Phụ lục 1** đính kèm

(\*\*): Quỹ khen thưởng năm 2020 được trích bằng **4% Lợi nhuận sau thuế TNDN**.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm và tỷ lệ thích hợp để thực hiện các công tác triển khai việc tạm ứng cổ tức bằng tiền cho cổ đông.

**Phân biểu quyết:**

- Tán thành : 5.378.250 Cổ phần chiếm 100,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết



**Điều 7: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký công ty và mức lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách:**

Chức vụ	Số người	Thù lao năm 2019 (Đvt: đồng/ tháng)	Số người	Kiến nghị thù lao năm 2020 (Đvt: đồng/ tháng)
Chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	1	10.000.000
Thành viên HĐQT	4	7.000.000	4	7.000.000
Trưởng ban Kiểm soát	1	Hưởng lương chuyên trách	1	Hưởng lương chuyên trách
Thành viên Ban Kiểm soát	2	5.000.000	2	5.000.000
Thư ký Công ty	1	5.000.000	1	5.000.000
<b>Tổng tiền thù lao/năm (đồng)</b>		<b>636.000.000</b>		<b>636.000.000</b>

**Lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách là:** Thực hiện tương đương với mức lương của chức danh Phó Trưởng phòng công ty (Hệ số lương chuyên viên đang hưởng theo Quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 + mức phụ cấp chức vụ Phó Trưởng phòng).

**Phản biểu quyết:**

- Tán thành : 5.378.250 Cổ phần chiếm 100,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết

**Điều 8: Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020:**

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn một đơn vị kiểm toán phù hợp để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

**Phản biểu quyết:**

- Tán thành : 5.378.250 Cổ phần chiếm 100,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết



**Điều 9: Thông qua việc chấp thuận cho ông: Lâm Uyên - TV Hội đồng quản trị thôi tham gia Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2018 – 2023:**

**Phân biểu quyết:**

- Tán thành : 5.378.250 Cổ phần chiếm 100,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết

**Điều 10: Bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023:**

Biểu quyết thông qua danh sách các ứng cử viên tham gia bầu cử làm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018 – 2023:

TT	Họ và tên	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Đức	

**Phân biểu quyết:**

- Tán thành : 5.378.250 Cổ phần chiếm 100,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không ý kiến : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- Không hợp lệ : 0 Cổ phần chiếm 0,00% số cổ phần có quyền biểu quyết

**Kết quả trúng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 như sau:**

TT	Họ và tên	Kết quả bầu cử			
		Số phiếu bầu	Số cổ phần	Tỷ lệ	Kết quả
1	Nguyễn Văn Đức	27	5.378.250	100,00%	Trúng cử

**Nơi nhận:**

- Đại hội đồng cổ đông;
- UBCKNN, Sở GDCKTPHCM; (đề CBTT)
- Trung tâm Lưu ký CK;
- Hội đồng quản trị;
- Ban Kiểm soát;
- Ban Giám đốc;
- Website: [www.pc3hp.com.vn](http://www.pc3hp.com.vn);
- Lưu: VT.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG  
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI  
CHỦ TỊCH HĐQT**



**Lê Kim Hùng**

# PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH CHI PHÍ NĂM 2020

(Phụ lục kèm Nghị quyết số: 10 -NQ/PC3HP.Co-ĐHCD, ngày 17/03/2020)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Các khoản thuế, phí, lệ phí.</b>	<b>9.268.617.000</b>	
1.1	Thuế môn bài	3.000.000	
1.2	Thuế tài nguyên nước	6.059.430.000	
1.3	Phí dịch vụ môi trường rừng	2.340.000.000	
1.4	Phí cấp quyền khai thác nước mặt	860.187.000	
<b>2</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>3.600.000.000</b>	
2.1	Chi phí khấu hao TSCĐ	3.600.000.000	
<b>3</b>	<b>Duy tu bảo dưỡng và thí nghiệm định kỳ hàng năm</b>	<b>5.738.613.000</b>	
3.1	Thí nghiệm định kỳ nhà máy và trạm biến áp	600.000.000	
3.2	Bảo dưỡng thiết bị chính 2 tổ máy nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2	1.150.000.000	
3.3	Sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị nâng và thiết bị phụ trợ nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2	690.000.000	
3.4	Thay 02 máy cắt 35kV trạm biến áp nâng (phân bổ 36 tháng)	270.000.000	Phân phân bổ năm thứ 1
3.5	Thay hệ thống ắc quy số 2 (phân bổ 36 tháng)	107.089.000	Phân phân bổ năm thứ 1
3.6	Chi phí mua trực tổ máy H1 (=3.717.723.000 đồng)	1.157.658.000	Phân phân bổ năm thứ 3
3.7	Thay trực và đại tu tổ máy số 1 nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 (=2.557.658.593 đồng)	852.567.000	Phân phân bổ năm thứ 3
3.8	Chi phí thay hệ thống ắc quy số 1 (=321.266.000 đồng)	107.089.000	Phân phân bổ năm thứ 2
3.9	Thay biến tần công trực 100/25T (=148.420.000 đồng)	74.210.000	Phân phân bổ năm cuối
3.10	Nạo vét kênh, bể áp lực, cửa nhận nước và sửa phao chắn rác	340.000.000	
3.11	Bảo dưỡng và sơn cửa vận hành tổ máy H1	250.000.000	



STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
3.12	Bảo dưỡng hệ thống Scada	40.000.000	
3.13	Thay thế và cải tạo một số thiết bị	100.000.000	
<b>4</b>	<b>Nguyên vật liệu phụ vụ sản xuất</b>	<b>520.000.000</b>	
4.1	Chi phí NVL (dầu máy): 250lít/tháng x 12 tháng x 80.000đồng	240.000.000	
4.2	Vật tư thiết bị dự phòng	280.000.000	
<b>5</b>	<b>An toàn - Vệ sinh lao động</b>	<b>504.550.000</b>	
5.1	Chi phí kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT	45.000.000	
5.2	Trang phục + Trang bị bảo vệ cá nhân	225.000.000	
5.3	Trang cụ an toàn	90.000.000	Mua bổ sung thay thế các trang cụ thí nghiệm không đạt
5.4	Trang bị tủ sơ cứu y tế cơ quan	29.000.000	
5.5	Đo kiểm môi trường lao động định kỳ	26.000.000	
5.6	Khám sức khỏe định kỳ	44.550.000	
5.7	Chi phí huấn luyện an toàn định kỳ	45.000.000	
<b>6</b>	<b>Chi phí PCCC</b>	<b>158.879.000</b>	
6.1	Bảo dưỡng, thí nghiệm và kiểm định định kỳ hệ thống PCCC	54.500.000	
6.2	Huấn luyện và diễn tập PCCC	66.000.000	
6.3	Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (theo thực tế)	38.379.000	
<b>7</b>	<b>Chi phí phòng chống bão lụt và bảo vệ an toàn đập</b>	<b>283.000.000</b>	
<b>8</b>	<b>Chi phí bảo vệ môi trường</b>	<b>350.000.000</b>	
8.1	Giám sát môi trường và xử lý chất thải nguy hại	300.000.000	
8.2	Trồng cây bổ sung bãi thải đất đá	50.000.000	
<b>9</b>	<b>Chi phí biên soạn tài liệu, bồi huấn và tổ chức thi nâng bậc</b>	<b>85.000.000</b>	

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
10	Điện mua ngoài phục vụ sản xuất (ước theo năm 2019)	800.000.000	
11	Quỹ tiền lương gồm: Quỹ lương Người Lao động, Quỹ lương Viên chức quản lý, Thuởng vận hành an toàn	9.783.639.000	
12	Trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	864.184.000	
12.1	BHXH, BHYT và BHTN = $(21,5\% \times 2.000.000 \times 4,08 \times 12 \text{ tháng} \times 33 \text{ người}) + (21,5\% \times 2.000.000 \times 6,78 \times 12 \text{ tháng}) + (21,5\% \times 2.000.000 \times 6,08 \times 12 \text{ tháng}) + (21,5\% \times 2.000.000 \times 5,73 \times 12 \text{ tháng})$	790.667.000	
12.2	Kinh phí công đoàn (2% x Tổng quỹ lương đóng BHXH)	73.517.000	
13	Công tác phí	350.000.000	
14	Nhiên liệu cho xe đi công tác, phục vụ nhiệm vụ khác, công tác sửa chữa, và đại tu (theo số liệu thực tế)	361.240.000	
14.1	Xăng 02 xe (trung bình mỗi ngày 180Km x 30 ngày x 12 tháng + Nhiệm vụ khác 700Km/tháng x 12 tháng)	307.440.000	
14.2	Mua bảo hiểm 02 ô tô (theo hợp đồng thực tế)	25.000.000	
14.3	Vé cầu đường: 12 tháng x 400.000đ/tháng	4.800.000	
14.4	Sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng 2 xe ô tô: 12 tháng x 1.000.000 đ/tháng x 02 xe	24.000.000	
15	Nghiệp vụ, văn phòng phí (theo số liệu thực tế)	237.200.000	
15.1	Điện thoại cố định, fax của Công ty (4 Máy x 500.000 đồng/tháng x 12 tháng) + Internet	36.000.000	
15.2	Điện thoại của Chủ tịch HĐQT Công ty: 500.000 đồng/tháng x 12 tháng	6.000.000	
15.3	Điện thoại của Ủy viên HĐQT và Thư ký Công ty: [(400.000 đồng/tháng x 5 người) x 12 tháng]	24.000.000	
15.4	Điện thoại của Trưởng BKS, UV BKS: 3 người x 400.000 đồng/tháng x 12 tháng	14.400.000	
15.5	Điện thoại của Giám đốc: 1.000.000 đồng/ tháng x 12 tháng	12.000.000	
15.6	Điện thoại của Phó Giám đốc, Kế Toán trưởng, P. Quản đốc PX: (2 máy x 500.000 đồng + 1 máy x 400.000 đồng) x 12 tháng	16.800.000	
15.7	Văn phòng phẩm: Giấy, bút, mực máy in... (6.000.000đ/tháng x 12 tháng)	72.000.000	



STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
15.8	Bưu kiện, phát chuyển nhanh, tem thư, phong bì (3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng)	36.000.000	
15.9	Tài liệu nghiên cứu	20.000.000	
<b>16</b>	<b>Sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị văn phòng</b>	<b>50.000.000</b>	
<b>17</b>	<b>Chi phí tiền ăn giữa ca (33 người x 730.000 đồng/tháng x 12 tháng)</b>	<b>289.080.000</b>	
<b>18</b>	<b>Chi phí cho công tác chứng khoán</b>	<b>121.000.000</b>	
18.1	Phí tư vấn công bố thông tin	15.000.000	
18.2	Phí quản lý công ty niêm yết hàng năm	26.000.000	
18.3	Phí tư vấn làm báo cáo thường niên	20.000.000	
18.4	Phí thực hiện quyền (4 lần x 15.000.000 đồng/lần)	60.000.000	
<b>19</b>	<b>Các công tác khác</b>	<b>1.175.000.000</b>	
19.1	Phí chuyển thanh toán tiền	50.000.000	
19.2	Chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và năm	60.000.000	
19.3	Chi phí bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập	60.000.000	
19.4	Tiếp khách, hội nghị, họp HĐQT	150.000.000	
19.5	Đại hội cổ đông (Mỗi năm 1 lần)	60.000.000	
19.6	Các công tác khác của Ban Điều hành	480.000.000	
19.7	Thuê chuyên gia phục vụ công tác giám sát kỹ thuật	96.000.000	
19.8	Phí đăng báo, đài	45.000.000	
19.9	Nước uống tại Công ty (25.000 đồng/Bình 20 lít x 80 Bình/tháng x 12 tháng)	24.000.000	
19.10	Đóng góp xây dựng nông thôn mới huyện Cư Jút	150.000.000	
<b>20</b>	<b>Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký</b>	<b>636.000.000</b>	
<b>21</b>	<b>Thù lao Người quản trị công ty (2.000.000/tháng)</b>	<b>24.000.000</b>	

0456  
 CÔNG TY  
 PHÁP  
 Y Đ  
 N LƯC  
 Đ.Đ

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
22	Sửa chữa một số TSCD	1.100.000.000	
22.1	Sửa chữa mái, sửa nền và sơn lại nhà vận hành NMTĐ Đrây H'Linh 2 (tạm tính và phân bổ 36 tháng)	500.000.000	
22.2	Nắn đường dân sinh ra khỏi khuôn viên nhà máy	150.000.000	
22.3	Làm hàng rào bảo vệ phần diện tích đất công ty	450.000.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.300.002.000</b>	

**Bảng chữ:** Ba mươi sáu tỷ, ba trăm triệu, không trăm lẻ hai nghìn đồng





**BIÊN BẢN CUỘC HỌP  
ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN - NĂM 2020**

**Tên Công ty:** Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

**Giấy Chứng nhận ĐKDN:** Số 0400456277 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Nông cấp thay đổi lần thứ 4, ngày 17/12/2014.

**Thời gian:** 08 giờ 00, ngày 17 tháng 03 năm 2020

**Địa điểm:** Phòng Victoria 3 khách sạn Sài Gòn - Ban Mê, số 01-03 Phan Chu Trinh, Tp Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

**PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC ĐẠI HỘI**

**I. Thông qua Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử của Đại hội**

Ông: Lê Kim Hùng - Chủ tịch HĐQT công ty, trình bày Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử của Đại hội.

Đại hội thống nhất 100% số cổ phần biểu quyết tại Đại hội thông qua Quy chế làm việc và Quy chế bầu cử của Đại hội.

**II. Báo cáo kiểm tra tư cách đại biểu:**

- Ban thẩm tra tư cách đại biểu:

- Bà: Hoàng Thị Thu Trang - Trưởng ban
- Ông: Võ Đình Thanh Tuấn - Thành viên

- Nội dung báo cáo:

- Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 17/02/2020, sở hữu 9.500.000 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.
- Cổ đông tham dự Đại hội: 27 cổ đông và đại diện cổ đông, sở hữu và đại diện sở hữu: 5.378.250 cổ phần có quyền biểu quyết, chiếm 56,61% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.
- Theo Luật doanh nghiệp và Điều lệ của Công ty, Đại hội Cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 đủ điều kiện để tiến hành Đại hội.

**III. Giới thiệu Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký và Ban Kiểm phiếu**

**1. Đoàn Chủ tịch:**

- Ông: Lê Kim Hùng Chủ tịch HĐQT - Chủ tịch đoàn
- Ông: Nguyễn Sơn Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc - Thành viên
- Ông: Nguyễn Xuân Dũng Thành viên HĐQT - Thành viên

**2. Thư ký:**

- Ông: Nguyễn Thanh Vương - Trưởng ban
- Ông: Nguyễn Thanh Bình - Thành viên

### **3. Ban kiểm phiếu:**

- Ông: Võ Đình Thanh Tuấn - Trưởng ban
- Bà: Hoàng Thị Thu Trang - Thành viên
- Ông: Kim Tân Biên - Thành viên

Đại hội biểu quyết 100% nhất trí thông qua danh sách Đoàn Chủ tịch, Đoàn Thư ký, Ban Kiểm phiếu

### **IV. Giới thiệu Chương trình Đại hội**

Ông: Lê Kim Hùng - Chức vụ: Chủ tịch đoàn, giới thiệu chương trình Đại hội.

Đại hội thống nhất 100% số cổ phần biểu quyết tại Đại hội thông qua Chương trình Đại hội.

(Tùy thời gian của Đại hội, Chương trình có sự điều chỉnh thích hợp)

## **PHẦN II: BÁO CÁO TẠI ĐẠI HỘI**

Đại hội nghe trình bày các báo cáo sau:

### **I. Báo cáo của Ban Giám đốc**

*Người trình bày: Ông Nguyễn Sơn - Chức vụ: Giám đốc*

### **II. Báo cáo của Hội đồng quản trị**

*Người trình bày: Ông Lê Kim Hùng - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT*

### **III. Báo cáo Ban Kiểm soát**

*Người trình bày: Bà Hoàng Thị Thu Trang - Chức vụ: Kiểm soát viên*

### **IV. Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019**

*Người trình bày: Ông Phạm Đức Hùng - Chức vụ: Kế Toán trưởng*

### **V. Trình bày các nội dung xin ý kiến ĐHĐCĐ thường niên năm 2020**

*Người trình bày: Ông Lê Kim Hùng - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT*

## **PHẦN III: Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG:**

### **Cổ đông nêu các câu hỏi và ý kiến trả lời của HĐQT:**

Tất cả các cổ đông đồng thuận cao với các nội dung chương trình, các báo cáo và các nội dung Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.



## PHẦN IV: CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các nội dung HĐQT trình, Đại hội đã thảo luận và nhất trí biểu quyết với các nội dung chi tiết như sau:

- **Nội dung 1: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019**

- **Kết quả**

<b>Số phiếu hợp lệ:</b> 27	- Số cổ phần: 5.378.250	- Tỷ lệ: 100,00%
+ Số phiếu tán thành: 27	- Số cổ phần: 5.378.250	- Tỷ lệ: 100,00%
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%
<b>Số phiếu không hợp lệ:</b> 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%

- **Như vậy Nội dung 1 đã được thông qua.**

- **Nội dung 2: Thông qua báo cáo của Ban Giám đốc**

- **Kết quả**

<b>Số phiếu hợp lệ:</b> 27	- Số cổ phần: 5.378.250	- Tỷ lệ: 100,00%
+ Số phiếu tán thành: 27	- Số cổ phần: 5.378.250	- Tỷ lệ: 100,00%
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%
<b>Số phiếu không hợp lệ:</b> 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%

- **Như vậy Nội dung 2 đã được thông qua.**

- **Nội dung 3: Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị**

- **Kết quả**

<b>Số phiếu hợp lệ:</b> 27	- Số cổ phần: 5.378.250	- Tỷ lệ: 100,00%
+ Số phiếu tán thành: 27	- Số cổ phần: 5.378.250	- Tỷ lệ: 100,00%
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%
<b>Số phiếu không hợp lệ:</b> 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%

- **Như vậy Nội dung 3 đã được thông qua.**

- **Nội dung 4: Thông qua báo cáo của Ban Kiểm soát**

- **Kết quả**

<b>Số phiếu hợp lệ:</b> 27	- Số cổ phần: 5.378.250	- Tỷ lệ: 100,00%
+ Số phiếu tán thành: 27	- Số cổ phần: 5.378.250	- Tỷ lệ: 100,00%
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%
<b>Số phiếu không hợp lệ:</b> 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%

- **Như vậy Nội dung 4 đã được thông qua.**

- **Nội dung 5: Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận trong năm 2019 như sau:**

*\* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019:*

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ so với KH
1	Tổng sản lượng	kWh	74.000.000	66.574.038	89,96%
2	Tổng doanh thu	đồng	93.066.148.000	93.464.002.450	100,43%
	Trong đó:				
	- Doanh thu tiền điện	đồng	80.735.743.000	80.228.259.960	99,37%
	- Doanh thu tài chính	đồng	3.300.000.000	3.503.017.114	106,15%
	- Doanh thu từ Thuế Tài nguyên	đồng	6.366.405.000	6.111.681.008	96,00%
	- Doanh thu từ Phí DVMT rừng	đồng	2.664.000.000	2.760.857.368	103,64%
	- Doanh thu từ tiền cấp quyền khai thác nước mặt	đồng	0	860.187.000	-
3	Tổng chi phí	đồng	35.928.397.000	34.254.634.671	95,34%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	57.137.751.000	59.209.367.779	103,63%
5	Thuế TNDN	đồng	3.351.888.000	3.529.906.956	105,31%
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	53.785.863.000	55.679.460.823	103,52%

*\* Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2019:*

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ so với KH
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	53.785.863.000	55.679.460.823	103,52%
2	Trích lập các quỹ	đồng	3.101.435.000	3.177.178.433	102,44%
	- Quỹ Phúc lợi	đồng	950.000.000	950.000.000	100,00%
	- Quỹ khen thưởng	đồng	2.151.435.000	2.227.178.433	103,52%
3	<b>LN còn lại phân phối cho cổ đông</b>	<b>đồng</b>	<b>50.684.428.000</b>	<b>52.502.282.390</b>	103,59%
4	<b>Cổ tức năm 2019</b>	<b>%</b>	<b>53,35</b>	<b>55,27</b>	<b>103,59%</b>
	Đã tạm ứng phần cổ tức của năm 2019:				
	- Đợt 1 năm 2019	%		6,02	
	- Đợt 2 năm 2019	%		20,00	
	- Đợt 3 năm 2019	%		20,00	
5	<b>Tổng tỷ lệ cổ tức đã tạm ứng năm 2019</b>	<b>%</b>		<b>46,02</b>	
	<b>Tương ứng với số tiền</b>	<b>đồng</b>		<b>43.719.000.000</b>	
6	<b>Cổ tức năm 2019 còn lại</b>	<b>%</b>		<b>9,25</b>	
	<b>Tương ứng với số tiền</b>	<b>đồng</b>		<b>8.783.282.390</b>	



Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông và triển khai việc chi trả phần cổ tức còn lại cho cổ đông với tỷ lệ là 9,20%/CP.

Đối với phần lợi nhuận của năm 2019 còn lại là: 43.282.390 đồng cộng dồn với phần lợi nhuận thừa năm 2018 là: 4.465.548 đồng (*Tổng cộng: 47.747.938 đồng*), đề nghị ĐHĐCĐ thống nhất cho trích toàn bộ bổ sung vào quỹ phúc lợi năm 2020 của công ty để phục vụ cho một số công tác an sinh xã hội đối với địa phương.

➤ **Kết quả**

<b>Số phiếu hợp lệ:</b> 27	- Số cổ phần: 5.378.250	- Tỷ lệ: 100,00%
+ Số phiếu tán thành: 27	- Số cổ phần: 5.378.250	- Tỷ lệ: 100,00%
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%
<b>Số phiếu không hợp lệ:</b> 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%

➤ **Như vậy Nội dung 5 đã được thông qua.**

- **Nội dung 6: Thông qua các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 như sau:**

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	66.574.038	65.000.000	97,64%
2	Tổng doanh thu	đồng	93.464.002.450	86.672.322.000	92,73%
	Trong đó:				
	- Doanh thu tiền điện	đồng	80.228.259.960	73.912.705.000	92,13%
	- Doanh thu tài chính	đồng	3.503.017.115	3.500.000.000	99,91%
	- Doanh thu từ thuế TN nước	đồng	6.111.681.007	6.059.430.000	99,15%
	- Doanh thu phí DVMT rừng	đồng	2.760.857.368	2.340.000.000	84,76%
	- Phí cấp quyền khai thác nước mặt	đồng	860.187.000	860.187.000	100,00%
3	Tổng chi phí (*)	đồng	34.254.634.671	36.300.002.000	105,97%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	59.209.367.779	50.372.320.000	85,07%
5	Thuế TNDN	đồng	3.529.906.956	5.387.232.000	152,62%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	55.679.460.823	44.985.088.000	80,79%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/CP	5.861	4.735	80,79%
8	Trích lập các quỹ	đồng	3.177.178.433	2.749.404.000	86,54%
	- Quỹ Phúc lợi	đồng	950.000.000	950.000.000	100,00%
	- Quỹ khen thưởng (4%LNST) (**)	đồng	2.227.178.433	1.799.404.000	80,79%



TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ (%)
9	Lợi nhuận còn lại	đồng	52.502.282.390	42.235.684.000	80,45%
10	Cổ tức	%	55,27	44,45	80,43%

(\*): Tổng chi phí chi tiết theo **Phụ lục 1** đính kèm

(\*\*): Quỹ khen thưởng năm 2019 được trích bằng **4% Lợi nhuận sau thuế TNDN**.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm và tỷ lệ thích hợp để thực hiện các công tác triển khai việc tạm ứng cổ tức bằng tiền cho cổ đông.

➤ **Kết quả**

<b>Số phiếu hợp lệ:</b> 27	- Số cổ phần:	5.378.250	- Tỷ lệ:	100,00%
+ Số phiếu tán thành: 27	- Số cổ phần:	5.378.250	- Tỷ lệ:	100,00%
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần:	0	- Tỷ lệ:	0,00%
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần:	0	- Tỷ lệ:	0,00%
<b>Số phiếu không hợp lệ:</b> 0	- Số cổ phần:	0	- Tỷ lệ:	0,00%

➤ Như vậy Nội dung 6 đã được thông qua.

- Nội dung 7: Thù lao Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký Công ty và mức lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách:

Chức vụ	Số người	Thù lao năm 2019 (Đvt: đồng/ tháng)	Số người	Kiến nghị thù lao 2020 (Đvt: đồng/ tháng)
Chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	1	10.000.000
Thành viên HĐQT	4	7.000.000	4	7.000.000
Trưởng ban Kiểm soát	1	Hưởng lương chuyên trách	1	Hưởng lương chuyên trách
Thành viên Ban Kiểm soát	2	5.000.000	2	5.000.000
Thư ký Công ty	1	5.000.000	1	5.000.000
<b>Tổng tiền thù lao/năm (đồng)</b>		<b>636.000.000</b>		<b>636.000.000</b>

**Hệ số lương của Trưởng Ban Kiểm soát chuyên trách là:** Thực hiện tương đương với mức lương của chức danh Phó Trưởng phòng công ty (Hệ số lương chuyên viên đang hưởng theo Quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 + mức phụ cấp chức vụ Phó Trưởng phòng).

➤ **Kết quả**

<b>Số phiếu hợp lệ:</b> 27	- Số cổ phần:	5.378.250	- Tỷ lệ:	100,00%
+ Số phiếu tán thành: 27	- Số cổ phần:	5.378.250	- Tỷ lệ:	100,00%
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần:	0	- Tỷ lệ:	0,00%
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần:	0	- Tỷ lệ:	0,00%



**Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00%**

➤ **Như vậy Nội dung 7 đã được thông qua.**

**Nội dung 8: Thông qua việc lựa chọn Công ty Kiểm toán năm 2020:**

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các Công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, chủ động lựa chọn một đơn vị kiểm toán phù hợp để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

➤ **Kết quả**

**Số phiếu hợp lệ: 27 - Số cổ phần: 5.378.250 - Tỷ lệ: 100,00%**

+ Số phiếu tán thành: 27 - Số cổ phần: 5.378.250 - Tỷ lệ: 100,00%

+ Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00%

+ Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00%

**Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00%**

➤ **Như vậy Nội dung 8 đã được thông qua.**

- **Nội dung 9: Thông qua việc chấp thuận cho ông: Lâm Uyên - TV Hội đồng quản trị thôi tham gia Hội đồng quản trị, nhiệm kỳ 2018 - 2023:**

Căn cứ Đơn thôi không tham gia Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 nhiệm kỳ 2018-2023 của ông Lâm Uyên

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thống nhất thông qua việc chấp thuận cho ông Lâm Uyên thôi tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018-2023.

➤ **Kết quả**

**Số phiếu hợp lệ: 27 - Số cổ phần: 5.378.250 - Tỷ lệ: 100,00%**

+ Số phiếu tán thành: 27 - Số cổ phần: 5.378.250 - Tỷ lệ: 100,00%

+ Số phiếu không tán thành: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00%

+ Số phiếu không ý kiến: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0,00%

**Số phiếu không hợp lệ: 0 - Số cổ phần: 0 - Tỷ lệ: 0**

➤ **Như vậy Nội dung 9 đã được thông qua.**

- **Nội dung 10: Bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023:**

Biểu quyết thông qua danh sách các ứng cử viên tham gia bầu cử làm thành viên Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên nhiệm kỳ 2018 - 2023:

TT	Họ và tên	Ghi chú
1	Nguyễn Văn Đức	

➤ **Kết quả**

004  
CÔNG  
Ổ PH  
ỦY  
ÊN I  
T.T.1

<b>Số phiếu hợp lệ:</b> 27	- Số cổ phần: 5.378.250	- Tỷ lệ: 100,00%
+ Số phiếu tán thành: 27	- Số cổ phần: 5.378.250	- Tỷ lệ: 100,00%
+ Số phiếu không tán thành: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%
+ Số phiếu không ý kiến: 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%
<b>Số phiếu không hợp lệ:</b> 0	- Số cổ phần: 0	- Tỷ lệ: 0,00%

➤ Như vậy Nội dung 10 đã được thông qua.

**Kết quả trúng cử thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2023 như sau:**

TT	Họ và tên	Kết quả bầu cử			
		Số phiếu bầu	Số cổ phần	Tỷ lệ	Kết quả
1	Nguyễn Văn Đức	27	5.378.250	100,00%	Trúng cử

### PHẦN V: THÔNG QUA BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Người trình bày: Nguyễn Thanh Vương - Trưởng Ban thư ký Đại hội đọc biên bản cuộc họp

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản cuộc họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 với 100 % số phiếu tán thành.

Biên bản này được lập thành 04 bản và được lưu tại Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

Đại hội kết thúc 10 giờ 25 phút cùng ngày.

**THƯ KÝ ĐẠI HỘI**



Nguyễn Thanh Vương

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH  
CHỦ TỊCH ĐOÀN**



Lê Kim Hùng



**TỜ TRÌNH**  
**CÁC NỘI DUNG XIN Ý KIẾN THÔNG QUA**  
**TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3

Căn cứ Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014;  
Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3;  
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019;  
Căn cứ Báo cáo tài chính năm kiểm toán năm 2019 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC;

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 kính trình Đại hội Đồng Cổ đông thông qua các nội dung sau đây:

**Nội dung 1: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2019**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 14 Điều lệ Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC, ký ngày 02 tháng 03 năm 2020 (như đính kèm).

**Nội dung 2: Kết quả hoạt động SXKD và phân phối lợi nhuận 2019**

**1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019**

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2019 với các chỉ tiêu chính:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ so với KH
1	Tổng sản lượng	kWh	74.000.000	66.574.038	89,96%
2	Tổng doanh thu	đồng	93.066.148.000	93.464.002.450	100,43%
	Trong đó:				
	- Doanh thu tiền điện	đồng	80.735.743.000	80.228.259.960	99,37%
	- Doanh thu tài chính	đồng	3.300.000.000	3.503.017.114	106,15%
	- Doanh thu từ Thuế Tài nguyên	đồng	6.366.405.000	6.111.681.008	96,00%
	- Doanh thu từ Phí DVMT rừng	đồng	2.664.000.000	2.760.857.368	103,64%
	- Tiền cấp quyền khai thác nước mặt	đồng	0	860.187.000	-
3	Tổng chi phí	đồng	35.928.397.000	34.254.634.671	95,34%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	57.137.751.000	59.209.367.779	103,63%



TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ so với KH
5	Thuế TNDN	đồng	3.351.888.000	3.529.906.956	105,31%
6	Lợi nhuận sau thuế	đồng	53.785.863.000	55.679.460.823	103,52%

## 2. Phân phối lợi nhuận và trích lập các Quỹ năm 2019

Căn cứ vào kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2019 như trên, Hội đồng quản trị đề trình phương án phân phối lợi nhuận như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	Tỷ lệ so với KH
1	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	53.785.863.000	55.679.460.823	103,52%
2	Trích lập các quỹ	đồng	3.101.435.000	3.177.178.433	102,44%
	- Quỹ Phục lợi	đồng	950.000.000	950.000.000	100,00%
	- Quỹ khen thưởng	đồng	2.151.435.000	2.227.178.433	103,52%
3	LN còn lại phân phối cho cổ đông	đồng	50.684.428.000	52.502.282.390	103,59%
4	Cổ tức năm 2019	%	53,35	55,27	103,59%
	Đã tạm ứng phần cổ tức của năm 2019				
	- Đợt 1 năm 2019	%		6,02	
	- Đợt 2 năm 2019	%		20,00	
	- Đợt 3 năm 2019	%		20,00	
	<b>Tổng tỷ lệ cổ tức đã tạm ứng của năm 2019</b>	%		<b>46,02</b>	
	Tương ứng với số tiền	đồng		43.719.000.000	
6	Cổ tức năm 2019 còn lại	%		9,25	
	Tương ứng với số tiền	đồng		8.783.282.390	

Cổ tức được chi trả bằng tiền mặt. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn thời điểm thích hợp chốt danh sách cổ đông và triển khai việc chi trả phần cổ tức còn lại cho cổ đông với tỷ lệ là 9,20%/CP.

Đối với phần lợi nhuận của năm 2019 còn lại là: 43.282.390 đồng (tương ứng tỷ lệ: 0,046%/cổ phiếu) cộng dồn với phần lợi nhuận thừa năm 2018 là: 4.465.548 đồng (Tổng cộng: 47.747.938 đồng), đề nghị ĐHĐCĐ thống nhất cho trích toàn bộ bổ sung vào quỹ phúc lợi năm 2020 của công ty để phục vụ cho một số công tác an sinh xã hội đối với địa phương.

### **Nội dung 3: Kế hoạch Tài chính – Sản xuất kinh doanh và phương án phân phối lợi nhuận năm 2020:**

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	66.574.038	65.000.000	97,64%
2	Tổng doanh thu	đồng	93.464.002.450	86.672.322.000	92,73%



TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện năm 2019	Kế hoạch năm 2020	Tỷ lệ (%)
	Trong đó:				
	- Doanh thu tiền điện	đồng	80.228.259.960	73.912.705.000	92,13%
	- Doanh thu tài chính	đồng	3.503.017.114	3.500.000.000	99,91%
	- Doanh thu từ thuế TN nước	đồng	6.111.681.008	6.059.430.000	99,15%
	- Doanh thu phí DVMT rừng	đồng	2.760.857.368	2.340.000.000	84,76%
	- Phí cấp quyền khai thác nước mặt	đồng	860.187.000	860.187.000	100,00%
3	Tổng chi phí (*)	đồng	34.254.634.671	36.300.002.000	105,97%
4	Lợi nhuận trước thuế	đồng	59.209.367.779	50.372.320.000	85,07%
5	Thuế TNDN	đồng	3.529.906.956	5.387.232.000	152,62%
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	55.679.460.823	44.985.088.000	80,79%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng/CP	5.861	4.735	80,79%
8	Trích lập các quỹ	đồng	3.177.178.433	2.749.404.000	86,54%
	- Quỹ Phúc lợi	đồng	950.000.000	950.000.000	100,00%
	- Quỹ khen thưởng (4%LNST)	đồng	2.227.178.433	1.799.404.000	80,79%
9	Lợi nhuận còn lại	đồng	52.502.282.390	42.235.684.000	80,45%
10	Cổ tức	%	55,27	44,45	80,43%

(\*): Tổng chi phí chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm

(\*\*): Quỹ khen thưởng của công ty được trích bằng 4% Lợi nhuận sau thuế TNDN.

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm và tỷ lệ để thực hiện các công tác triển khai việc chia cổ tức bằng tiền cho cổ đông.

**Nội dung 4: Thù lao Hội đồng quản trị, TV Ban kiểm soát, Thư ký Công ty và mức lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách.**

Hội đồng quản trị đề xuất mức thù lao dành cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty trong năm 2020, chi tiết như sau:

Chức vụ	Số người	Thù lao năm 2019 (Đvt: đồng/ tháng)	Số người	Kiến nghị thù lao 2020 (Đvt: đồng/ tháng)
Chủ tịch HĐQT	1	10.000.000	1	10.000.000
Thành viên HĐQT	4	7.000.000	4	7.000.000
Trưởng ban Kiểm soát	1	Hưởng lương chuyên trách	1	Hưởng lương chuyên trách
Thành viên Ban Kiểm soát	2	5.000.000	2	5.000.000
Thư ký Công ty	1	5.000.000	1	5.000.000
<b>Tổng tiền thù lao/năm (đồng)</b>		<b>636.000.000</b>		<b>636.000.000</b>

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua hệ số lương của Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách thực hiện năm 2020 là: Thực hiện tương đương với mức lương của chức danh Phó Trưởng phòng công ty (Hệ số lương chuyên viên đang hưởng theo Quy định hệ thống thang lương, bảng lương và chế độ phụ cấp lương của Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 + mức phụ cấp chức vụ Phó Trưởng phòng).

**Nội dung 5: Lựa chọn Công ty Kiểm toán.**

Để tạo điều kiện thuận lợi trong việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 đạt hiệu quả cao nhất, Ban Kiểm soát sau khi thống nhất với Hội đồng quản trị đề nghị Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị căn cứ vào năng lực, trình độ và đội ngũ kiểm toán viên chuyên nghiệp của các Công ty kiểm toán độc lập, đạt tiêu chuẩn kiểm toán các công ty niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán được Ủy Ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận, để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020.

**Nội dung 6: Miễn nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị và bầu bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị mới nhiệm kỳ 2018 - 2023.**

Căn cứ Đơn xin thôi tham gia Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3, nhiệm kỳ 2018 – 2023 của ông: Lâm Uyên – thành viên HĐQT.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3 thống nhất chấp thuận cho ông: Lâm Uyên - thành viên HĐQT thôi tham gia Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 - 2023. Đồng thời cho tiến hành bầu cử bổ sung 01 thành viên Hội đồng quản trị mới nhiệm kỳ 2018 - 2023.

**Hội đồng quản trị xin kính trình Đại hội!**

Trân trọng!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**Lê Kim Hùng**

277 - C.T. 3  
Y  
LÀM  
ĐIỆN  
LỰC 3  
ĐẮK NÔNG



# PHỤ LỤC 1: KẾ HOẠCH CHI PHÍ NĂM 2020

(Phụ lục kèm Tờ trình số: 09 -NQ/PC3HP.Co-ĐHCĐ, ngày 16/03/2020)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
<b>1</b>	<b>Các khoản thuế, phí, lệ phí.</b>	<b>9.268.617.000</b>	
1.1	Thuế môn bài	3.000.000	
1.2	Thuế tài nguyên nước	6.059.430.000	
1.3	Phí dịch vụ môi trường rừng	2.340.000.000	
1.4	Phí cấp quyền khai thác nước mặt	860.187.000	
<b>2</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>3.600.000.000</b>	
2.1	Chi phí khấu hao TSCĐ	3.600.000.000	
<b>3</b>	<b>Duy tu bảo dưỡng và thí nghiệm định kỳ hàng năm</b>	<b>5.738.613.000</b>	
3.1	Thí nghiệm định kỳ nhà máy và trạm biến áp	600.000.000	
3.2	Bảo dưỡng thiết bị chính 2 tổ máy nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2	1.150.000.000	
3.3	Sửa chữa bảo dưỡng các thiết bị nâng và thiết bị phụ trợ nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2	690.000.000	
3.4	Thay 02 máy cắt 35kV trạm biến áp nâng (phân bổ 36 tháng)	270.000.000	Phân phân bổ năm thứ 1
3.5	Thay hệ thống ắc quy số 2 (phân bổ 36 tháng)	107.089.000	Phân phân bổ năm thứ 1
3.6	Chi phí mua trực tổ máy H1 (=3.717.723.000 đồng)	1.157.658.000	Phân phân bổ năm thứ 3
3.7	Thay trực và đại tu tổ máy số 1 nhà máy thủy điện Đrây H'Linh 2 (=2.557.658.593 đồng)	852.567.000	Phân phân bổ năm thứ 3
3.8	Chi phí thay hệ thống ắc quy số 1 (=321.266.000 đồng)	107.089.000	Phân phân bổ năm thứ 2
3.9	Thay biến tần công trực 100/25T (=148.420.000 đồng)	74.210.000	Phân phân bổ năm cuối
3.10	Nạo vét kênh, bể áp lực, cửa nhận nước và sửa phao chắn rác	340.000.000	
3.11	Bảo dưỡng và sơn cửa vận hành tổ máy H1	250.000.000	



STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
3.12	Bảo dưỡng hệ thống Scada	40.000.000	
3.13	Thay thế và cải tạo một số thiết bị	100.000.000	
<b>4</b>	<b>Nguyên vật liệu phụ vụ sản xuất</b>	<b>520.000.000</b>	
4.1	Chi phí NVL (dầu máy): 250lít/tháng x 12 tháng x 80.000đồng	240.000.000	
4.2	Vật tư thiết bị dự phòng	280.000.000	
<b>5</b>	<b>An toàn - Vệ sinh lao động</b>	<b>504.550.000</b>	
5.1	Chi phí kiểm định các thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về AT	45.000.000	
5.2	Trang phục + Trang bị bảo vệ cá nhân	225.000.000	
5.3	Trang cụ an toàn	90.000.000	Mua bổ sung thay thế các trang cụ thí nghiệm không đạt
5.4	Trang bị tủ sơ cứu y tế cơ quan	29.000.000	
5.5	Đo kiểm môi trường lao động định kỳ	26.000.000	
5.6	Khám sức khỏe định kỳ	44.550.000	
5.7	Chi phí huấn luyện an toàn định kỳ	45.000.000	
<b>6</b>	<b>Chi phí PCCC</b>	<b>158.879.000</b>	
6.1	Bảo dưỡng, thí nghiệm và kiểm định định kỳ hệ thống PCCC	54.500.000	
6.2	Huấn luyện và diễn tập PCCC	66.000.000	
6.3	Bảo hiểm cháy nổ bắt buộc (theo thực tế)	38.379.000	
<b>7</b>	<b>Chi phí phòng chống bão lụt và bảo vệ an toàn đập</b>	<b>283.000.000</b>	
<b>8</b>	<b>Chi phí bảo vệ môi trường</b>	<b>350.000.000</b>	
8.1	Giám sát môi trường và xử lý chất thải nguy hại	300.000.000	
8.2	Trồng cây bổ sung bãi thải đất đá	50.000.000	
<b>9</b>	<b>Chi phí biên soạn tài liệu, bồi huấn và tổ chức thi nâng bậc</b>	<b>85.000.000</b>	



STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
10	Điện mua ngoài phục vụ sản xuất (ước theo năm 2019)	800.000.000	
11	Quỹ tiền lương gồm: Quỹ lương Người Lao động, Quỹ lương Viên chức quản lý, Thưởng vận hành an toàn	9.783.639.000	
12	Trích BHXH, BHYT, BHTN và KPCĐ	864.184.000	
12.1	BHXH, BHYT và BHTN = (21,5% x 2.000.000 x 4,08 x 12 tháng x 33 người) + (21,5% x 2.000.000 x 6,78 x 12 tháng) + (21,5% x 2.000.000 x 6,08 x 12 tháng) + (21,5% x 2.000.000 x 5,73 x 12 tháng)	790.667.000	
12.2	Kinh phí công đoàn (2% x Tổng quỹ lương đóng BHXH)	73.517.000	
13	Công tác phí	350.000.000	
14	Nhiên liệu cho xe đi công tác, phục vụ nhiệm vụ khác, công tác sửa chữa, và đại tu (theo số liệu thực tế)	361.240.000	
14.1	Xăng 02 xe (trung bình mỗi ngày 180Km x 30 ngày x 12 tháng + Nhiệm vụ khác 700Km/tháng x 12 tháng)	307.440.000	
14.2	Mua bảo hiểm 02 ô tô (theo hợp đồng thực tế)	25.000.000	
14.3	Vé cầu đường: 12 tháng x 400.000đ/tháng	4.800.000	
14.4	Sửa chữa nhỏ, bảo dưỡng 2 xe ô tô: 12 tháng x 1.000.000 đ/tháng x 02 xe	24.000.000	
15	Nghiệp vụ, văn phòng phí (theo số liệu thực tế)	237.200.000	
15.1	Điện thoại cố định, fax của Công ty (4 Máy x 500.000 đồng/tháng x 12 tháng) + Internet	36.000.000	
15.2	Điện thoại của Chủ tịch HĐQT Công ty: 500.000 đồng/tháng x 12 tháng	6.000.000	
15.3	Điện thoại của Ủy viên HĐQT và Thư ký Công ty: [(400.000 đồng/tháng x 5 người) x 12 tháng	24.000.000	
15.4	Điện thoại của Trưởng BKS, UV BKS: 3 người x 400.000 đồng/tháng x 12 tháng	14.400.000	
15.5	Điện thoại của Giám đốc: 1.000.000 đồng/ tháng x 12 tháng	12.000.000	
15.6	Điện thoại của Phó Giám đốc, Kế Toán trưởng, P. Quản đốc PX: (2 máy x 500.000 đồng + 1 máy x 400.000 đồng) x 12 tháng	16.800.000	
15.7	Văn phòng phẩm: Giấy, bút, mực máy in... (6.000.000đ/tháng x 12 tháng)	72.000.000	

1004  
 TỔNG  
 PH  
 Y Đ  
 LƯ  
 ĐẮK

STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
15.8	Bưu kiện, phát chuyển nhanh, tem thư, phong bì (3.000.000 đồng/tháng x 12 tháng)	36.000.000	
15.9	Tài liệu nghiên cứu	20.000.000	
16	<b>Sửa chữa bảo dưỡng trang thiết bị văn phòng</b>	<b>50.000.000</b>	
17	<b>Chi phí tiền ăn giữa ca (33 người x 730.000 đồng/tháng x 12 tháng)</b>	<b>289.080.000</b>	
18	<b>Chi phí cho công tác chứng khoán</b>	<b>121.000.000</b>	
18.1	Phí tư vấn công bố thông tin	15.000.000	
18.2	Phí quản lý công ty niêm yết hàng năm	26.000.000	
18.3	Phí tư vấn làm báo cáo thường niên	20.000.000	
18.4	Phí thực hiện quyền (4 lần x 15.000.000 đồng/lần)	60.000.000	
19	<b>Các công tác khác</b>	<b>1.175.000.000</b>	
19.1	Phí chuyển thanh toán tiền	50.000.000	
19.2	Chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính bán niên và năm	60.000.000	
19.3	Chi phí bồi dưỡng nghiệp vụ, học tập	60.000.000	
19.4	Tiếp khách, hội nghị, họp HĐQT	150.000.000	
19.5	Đại hội cổ đông (Mỗi năm 1 lần)	60.000.000	
19.6	Các công tác khác của Ban Điều hành	480.000.000	
19.7	Thuê chuyên gia phục vụ công tác giám sát kỹ thuật	96.000.000	
19.8	Phí đăng báo, đài	45.000.000	
19.9	Nước uống tại Công ty (25.000 đồng/Bình 20 lít x 80 Bình/tháng x 12 tháng)	24.000.000	
19.10	Đóng góp xây dựng nông thôn mới huyện Cư Jú	150.000.000	
20	<b>Thù lao HĐQT, BKS, Thư ký</b>	<b>636.000.000</b>	
21	<b>Thù lao Người quản trị công ty (2.000.000/tháng)</b>	<b>24.000.000</b>	

5627  
 TY  
 AN  
 EN  
 3  
 VONK



STT	Nội dung	Kế hoạch năm 2020	Ghi chú
22	Sửa chữa một số TSCD	1.100.000.000	
22.1	Sửa chữa mái, sửa nền và sơn lại nhà vận hành NMTĐ Đrây H'Linh 2 (tạm tính và phân bổ 36 tháng)	500.000.000	
22.2	Nắn đường dân sinh ra khỏi khuôn viên nhà máy	150.000.000	
22.3	Làm hàng rào bảo vệ phần diện tích đất công ty	450.000.000	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>36.300.002.000</b>	

**Bảng chữ: Ba mươi sáu tỷ, ba trăm triệu, không trăm lẻ hai nghìn đồng**

